

Bản án số: 09/2022/DS - ST  
Ngày: 11 - 8 - 2022  
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QL, TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Đạt Nghiệm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Vinh Hiến;
2. Ông Trần Minh Chính.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Hoàng P- Thư ký Tòa án nhân dân huyện QL, tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện kiểm Sát nhân dân huyện QL, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Thúy Nga- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện QL, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2021/TLST- DS, ngày 04/11/2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2022/QĐXXST- DS ngày 25/7/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T, sinh năm 1970, có mặt;

Địa chỉ: Xóm 8, xã QT, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị P, sinh năm 1973, vắng mặt;

Địa chỉ: Xóm 3B, xã QT, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 10/10/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:*

Ngày 30/12/2009 (âm lịch) chị có cho chị Phạm Thị P vay số tiền 54.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày 10/01/2020 (âm lịch); khi vay không thỏa thuận lãi suất. Giấy vay do chị viết, còn chị P ký vào. Hết thời hạn trả nợ, chị P không trả được cho chị đồng nào. Đến ngày 30/4/2020, chị P mới trả cho chị 25.300.000 đồng, số tiền còn lại 28.700.000 đồng chị P hẹn mười ngày sau sẽ trả đủ. Nhưng từ đó đến nay chị P không trả thêm cho chị đồng nào. Nay chị yêu cầu chị Phạm Thị P trả số tiền gốc 28.700.000 đồng

và lãi suất chậm trả tạm tính từ 11/6/2020 đến 11/8/2022 là 28.700.000đ x 0,8%/tháng x 26 tháng = 5.969.600 đồng; tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 34.669.600đ (ba mươi tư triệu sáu trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm đồng).

*Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Phạm Thị P trình bày:* Năm 2019 chị có vay tiền của chị Lê Thị T 54.000.000 đồng, sau đó đã trả được 25.300.000 đồng, hiện còn nợ chị T 28.700.000 đồng. Nhưng sau đó do hoàn cảnh khó khăn nên chị không trả được nợ. Khi chị T đòi nợ thì chị và chị T đã bàn bạc thỏa thuận, thống nhất P án trả nợ và không cần khởi kiện ra Tòa án. Nay chị T yêu cầu chị trả số tiền 28.700.000 đồng thì chị xin chị T cho thời gian trả nợ và không tính lãi suất.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện QL phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ thời điểm thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, không hợp tác làm kéo dài thời gian giải quyết vụ án.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xét hỏi tại phiên tòa, đề nghị HĐXX: Áp dụng các Điều 280, 357, 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc chị Phạm Thị P thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị Lê Thị T số tiền gốc 28.700.000 đồng và lãi suất chậm trả tạm tính từ 11/6/2020 đến 11/8/2022 là 5.969.600 đồng; tổng cộng gốc và lãi là: 34.669.600đ (ba mươi tư triệu sáu trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm đồng). Về án phí: Buộc chị Phạm Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Chị Phạm Thị P có hộ khẩu thường trú tại xóm 3B, xã QT, huyện QL nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện QL theo khoản 2 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc xét xử vắng mặt: Bị đơn chị Phạm Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, như vậy chị P đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình nên căn cứ vào các Điều 227 và 228 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

Xét giấy ký nhận nợ ngày 30/12/2019 (âm lịch) giữa người cho vay chị Lê Thị T và người vay chị Phạm Thị P được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có nội dung phù hợp với quy định pháp luật và không trái với đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử nhận định đây là giao dịch hợp pháp, là căn cứ để giải quyết quyền và nghĩa vụ của các bên trong vụ án này.

Chị P đã ký tên vào giấy vay và cũng thừa nhận có vay của chị T số tiền 54.000.000 đồng; hiện nay còn nợ chị T 28.700.000 đồng. Thời hạn trả nợ trong giấy vay là ngày 10/01/2020, hai bên thống nhất vay không có lãi. Đến ngày 30/4/2020, chị P đã trả cho chị T 25.300.000 đồng và hẹn 10 ngày sau sẽ trả. Do đó xác định đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi suất.

Về lãi suất: Xác định đây là hợp đồng vay không có lãi, nhưng do chị P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu lãi suất chậm trả. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao để giải quyết vụ án. Do đó mức lãi suất mà chị T yêu cầu tính là:  $28.700.000đ \times 0,8\%/tháng \times 26 tháng (11/6/2020 \text{ đến } 11/8/2022) = 5.696.600 \text{ đồng}$ , là phù hợp với quy định pháp luật, nên được chấp nhận.

Như vậy, có đủ căn cứ để buộc chị Phạm Thị P phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị Lê Thị T số tiền gốc còn lại 28.700.000 đồng, theo giấy vay tiền đề ngày 30/12/2019 (âm lịch) và tiền lãi suất do chậm trả là 5.969.600đ; tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 34.669.600đ (ba mươi tư triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn sáu trăm đồng).

[3]. Về án phí: Bị đơn chị Phạm Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 35, 39, 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Các Điều 280, 357, 463, 466 và 469 Bộ luật Dân sự 2015;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị T.

[1]. Buộc chị Phạm Thị P phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ chị Lê Thị T số tiền nợ gốc 28.700.000 đồng, theo giấy vay tiền ngày 30/12/2019 (âm lịch) và tiền lãi suất là 5.969.600đ; tổng cộng số tiền là 34.669.600đ (ba mươi tư triệu sáu trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ

ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản

tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[2] Về án phí: Chị Phạm Thị P phải nộp 1.733.000đ (một triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho chị Lê Thị T số tiền tạm ứng án phí 861.000đ (tám trăm sáu mươi một nghìn đồng) mà chị đã nộp, theo biên lai thu số 0007548, ngày 04/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện QL, tỉnh Nghệ An.

[3] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.+

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND H. QL;
- Chi cục THADS H. QL;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu VPTA và hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**( Đã ký)**

**Hồ Đạt Nghiệm**

